

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tấn Thọ.
2. Ông Nguyễn Văn Chậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm 1995. (*Có mặt*)

Địa chỉ: ấp C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1993. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2018 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh K trình bày:

Chị và anh T cưới nhau vào năm 2010, trên tinh thần tự nguyện, đến năm 2014 có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm lo cuộc sống gia đình. Chị K và anh T đã sống ly thân từ tháng 4/2018, tháng 01/2019 thì chị về sinh sống ở nhà cha mẹ ruột tại thành phố Hồ Chí Minh đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Kim V, sinh ngày 19/6/2011 và Huỳnh Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 18/11/2012. Chị K không có yêu cầu được nuôi con, vì hoàn cảnh gia đình, chị không thể chăm sóc cho con, chị K đồng ý để anh T được tiếp tục nuôi con 02 con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi Tòa xử cho ly hôn đến lúc con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Vụ kiện đã được Tòa án mở phiên hoà giải nhưng không hoà giải được do anh T không đến. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: không vi phạm tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại. Anh Huỳnh Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh K và anh Huỳnh Thanh T chung sống với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 27/3/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị K và anh T thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nay chị K yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh T. Căn cứ vào lời trình bày của chị K; căn cứ vào biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân của anh T, chị K đã phát sinh và tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân, do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T có người phụ nữ khác bên ngoài. Tòa án cũng đã mở phiên hòa giải động viên, tạo điều kiện để hai bên hàn gắn, đoàn tụ trở lại nhưng anh T không đến, có ý thức bỏ mặc cuộc hôn nhân của hai anh chị. Xét thấy, đời sống chung của chị K, anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K đối với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Kim V, sinh ngày 19/6/2011 và Huỳnh Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 18/11/2012, các con đều đang sống

với anh T. Chị K không có yêu cầu nuôi con, chị đồng ý để anh T được tiếp tục nuôi con 02 con, chị tự nguyện cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng. Theo Biên bản hỏi ý kiến con, cháu V muốn sống chung với mẹ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị K thừa nhận để đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung, cần tiếp tục để anh T nuôi dưỡng nhằm không xáo trộn cuộc sống hiện tại của 02 cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận việc chị K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ khi Tòa án giải quyết vụ án đến lúc các con tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị K khai không có nên không xét đến.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn chị K phải chịu án phí là 300.000đ.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị K phải chịu là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh K đối với anh Huỳnh Thanh T.

Chị Nguyễn Thị Thanh K được ly hôn anh Huỳnh Thanh T. Quan hệ hôn nhân của chị K, anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con là Huỳnh Nguyễn Kim V, sinh ngày 19/6/2011 và Huỳnh Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 18/11/2012 cho anh Huỳnh Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (mỗi con là một triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày tuyên án cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Chị K được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị K khai không có, nên không xét đến.

4. Về án phí:

+ Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

+ Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thanh K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Như vậy, tổng cộng tiền án phí chị Nguyễn Thị Thanh K phải chịu là 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị K đã nộp theo biên lai thu số 0021107 ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Chị Nguyễn Thị Thanh K còn phải nộp tiếp là 300.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND tt Bình Đại (số 29/2014);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu